

Số: TVHM-01/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ tháng 02-07/2026)

1. Phân tích, đánh giá tình hình thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua

1.1. Khu vực Bắc Bộ

Trong nửa đầu tháng 11, trên sông Thao xuất hiện 01 đợt lũ với biên độ lũ lên tại trạm Lào Cai, Yên Bái từ 1-3m do ảnh hưởng từ dòng chảy thượng nguồn phía Trung Quốc tăng tập trung từ 5-6/11. Từ nửa cuối tháng 11 trở đi, mực nước trên các sông biến đổi chậm, các sông ở hạ lưu dao động theo triều.

Tình hình dòng chảy đến các hồ chứa lớn Bắc Bộ cụ thể như sau: lượng dòng chảy trong tháng 11, dòng chảy đến các hồ chứa lớn ở Bắc Bộ phổ biến cao hơn TBNN từ 30-95%. Tháng 12, lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn ở Bắc Bộ cao hơn TBNN từ 5-65%, riêng hồ Thác Bà cao hơn từ 54-95%.

Đến giữa tháng 01/2026, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Đà xấp xỉ so với cùng kì năm 2025, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Gâm, sông Chảy cao hơn so với cùng kì năm 2025 từ 18-100%.

Tình hình dòng chảy trên các sông chính khu vực Bắc Bộ: lượng dòng chảy trong tháng 11 trên các sông chính ở Bắc Bộ cao hơn TBNN từ 29-105%, riêng trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang xấp xỉ TBNN. Từ tháng 12/2025 đến nửa đầu tháng 01/2026, lượng dòng chảy trên sông Thao thấp hơn so với TBNN cùng thời kì khoảng 70%; trên sông Lô thấp hơn TBNN từ 5-40%; ở hạ lưu sông Hồng cao hơn TBNN từ 12-60%; trên sông Cầu cao hơn 3-3,5 lần so với TBNN và trên sông Lục Nam ở mức TBNN trong tháng 12 và đến nửa đầu tháng 1/2026 thấp hơn TBNN khoảng 9%.

1.2. Khu vực Trung Bộ và Nam Bộ

a) Bắc Trung Bộ

Trong tháng 11, mực nước thượng lưu các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An biến đổi chậm theo xu thế xuống dần; riêng sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố (Hà Tĩnh) xuất hiện 3 đợt lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ lớn nhất trong tháng 11 trên sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2; trung lưu các sông dao động theo điều tiết hồ

chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Trên các sông từ Quảng Trị đến Tp. Huế xuất hiện 2 đợt lũ lớn:

+ Từ ngày 01-05/11, lũ lớn xuất hiện trên các sông khu vực từ Quảng Trị đến TP Huế với đỉnh lũ xuất hiện vào ngày 03/11. Trong đợt lũ này, mực nước đỉnh lũ trên các sông ở Quảng Trị phổ biến ở dưới mức BĐ3 đến trên BĐ3; đỉnh lũ trên sông Hương (TP. Huế) tại trạm Kim Long ở trên mức BĐ3, trên sông Bồ tại trạm Phú Ốc đạt mức 5,31m (13h/03/11), trên BĐ3 0,81m, vượt mức lịch sử năm 2020 0,07m.

+ Từ ngày 16-20/11, lũ đã xuất hiện từ tỉnh Quảng Trị đến TP Huế với mực nước đỉnh lũ trên các sông phổ biến ở trên mức BĐ2 đến trên BĐ3.

Trong tháng 12/2025, mực nước trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh biến đổi chậm theo xu thế xuống dần; trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế xuất hiện 3 đợt dao động (từ ngày 03-06/12, 14-16/12 và 22-24/12). Trong nửa đầu tháng 01/2026, mực nước trên thượng lưu các sông trong khu vực xuất hiện dao động nhỏ, hạ lưu biến đổi chậm.

Trong các tháng 11-12/2025, lượng trên sông Mã cao hơn TBNN cùng kỳ từ 30-44%; trên sông Cả ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ; trên sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn từ 17-117%, trên sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm cao hơn 55% trong tháng 11 và thấp hơn 63% trong tháng 12.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế cao hơn TBNN cùng kỳ từ 57-70%, sông Tả Trạch (Tp. Huế) cao hơn 125%.

b) Nam Trung Bộ

+ Trên các sông từ thành phố Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Trong tháng 11, trên các sông đã xuất hiện 3 đợt lũ trong đó có 02 đợt lũ lớn (từ ngày 01-05/11 và 17-21/11) và 01 đợt lũ nhỏ (từ ngày 06-08/11). Trong đợt lũ từ ngày 01-05/11, mực nước trên các sông khu vực từ TP Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đạt mức đỉnh phổ biến trên mức BĐ2 đến trên BĐ3. Đỉnh lũ trên các sông trong đợt lũ thứ 2 từ ngày 06-08/11 phổ biến ở dưới mức BĐ2 đến trên BĐ2 và đỉnh lũ trong đợt lũ thứ 3 từ ngày 17-21/11 ở trên mức BĐ2 đến trên BĐ3.

Trong tháng 12/2025, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ nhỏ từ ngày 03-06/12 và 1 đợt dao động từ ngày 22-24/12. Đợt lũ từ ngày 03-06/12, đỉnh lũ trên sông Vu Gia - Thu Bồn (Đà Nẵng) ở mức dưới BĐ1 đến BĐ1; đỉnh lũ trên sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) ở trên mức BĐ1.

Lưu lượng dòng chảy từ tháng 11-12/2025 trên các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 22-68%, riêng trên sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn khoảng 68%.

Trong nửa đầu tháng 01/2026, mực nước thượng lưu các sông xuất hiện dao động nhỏ, hạ lưu biến đổi chậm.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Trong tháng 11/2025, trên các sông đã xuất hiện 2-3 đợt lũ. Đợt lũ từ ngày 16-22/11 là lũ đặc biệt lớn với mực nước đỉnh lũ trên các sông phổ biến trên BĐ3, riêng trên sông Kỳ Lộ, sông Ba (Đắk Lắk), sông Dinh Ninh Hòa (Khánh Hòa) xuất hiện lũ lịch sử. Đỉnh lũ trên các sông như sau: trên sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng đạt 13,14m (5h/20/11), ở trên mức BĐ3 2,14m, dưới mức lũ lịch sử là 0,28m; trên sông Cái Phan Rang (Khánh Hòa) tại trạm Tân Mỹ đạt 40,25m (4h/20/11) trên BĐ3 2,75m, dưới mức lũ lịch sử là 0,96m; trên sông Kôn (Gia Lai) tại trạm Thanh Hòa 9,09m (20h/19/11), trên BĐ3 1,09m; trên sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn là 40,99m (01h 20/11), trên BĐ3 6,49m, vượt mức lũ lịch sử (năm 1993) 1,09m và tại trạm Phú Lâm 5,40m (03h/20/11), trên BĐ3 1,70m, vượt lũ lịch sử năm 1993 (5,21m) 0,19m; trên sông Kỳ Lộ (Đắk Lắk) tại trạm Hà Bằng 13,90m (12h/19/11), trên BĐ3 4,40m, vượt lũ lịch sử năm 1993 (13,47m) 0,43m.

Tháng 12/2025, trên các sông trong khu vực xuất hiện 01 đợt lũ tập trung từ ngày 02-04/12 với đỉnh lũ trên sông Kôn (Gia Lai) tại trạm Thanh Hòa ở trên mức BĐ1; trên sông Dinh Ninh Hòa, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa), sông Cái Phan Thiết (Lâm Đồng) lên mức BĐ1-BĐ2; riêng đỉnh lũ trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) tại trạm Thanh Bình đã vượt lũ lịch sử năm 2019 là 0,11m, đỉnh lũ trên sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy vượt BĐ3 0,73m, thấp hơn lũ lịch sử tháng 10 năm 2025 (29,49m) là 0,34m.

Trong nửa đầu tháng 01/2026, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu hạ lưu sông Kôn dao động theo vận hành của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, riêng tại trạm Đồng Trăng và trạm Sông Lũy cao hơn so với TBNN.

c) Cao nguyên Trung Bộ

Trên các sông khu vực cao nguyên Trung Bộ đã xuất hiện 2-3 đợt lũ tập trung chủ yếu trong tháng 11/2025. Mực nước đỉnh lũ trên sông Đắk Bla (Quảng

Ngãi) ở trên mức BĐ2 đến trên BĐ3; trên sông Pô Cô (Quảng Ngãi) dưới BĐ3; trên sông Krông Búk, Krông Ana (Đắk Lắk) ở trên mức BĐ3. Đặc biệt, lũ trên sông Ea Krông tại trạm Cầu 14 là 305,98m (17h/22/11), trên mực nước lịch sử năm 2000 (304,84m) là 1,14m; hạ lưu sông Srêpôk (Đắk Lắk) tại trạm Bản Đôn là 178,19m (09h/23/11), trên BĐ3 4,19m, dưới mực nước lịch sử năm 1993 (178,84m) là 0,65m; trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) tại trạm Thanh Bình là 834,36m (12h/04/12), trên mức BĐ3 1,36m, trên mực nước lịch sử năm 2019 (834,25m) là 0,11m; trên sông Đa Nhim tại trạm Đại Ninh là 831,68m (19h/04/12), trên BĐ3 0,18m.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần, phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 40-80%, riêng sông Đăkbla thấp hơn TBNN từ 30-60%.

d) Khu vực Nam Bộ:

Sông Đồng Nai: Từ tháng 11/2025 đến giữa tháng 01/2026, trên sông Đồng Nai tại Tà Lài đã xuất hiện 02 đợt lũ, mực nước trên sông Bé tại Phước Hoà có xu thế xuống dần. Đỉnh lũ cao nhất trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài là 112,79m (17h/21/11), trên BĐ2 0,29m. Hiện tại, mực nước trên các sông biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

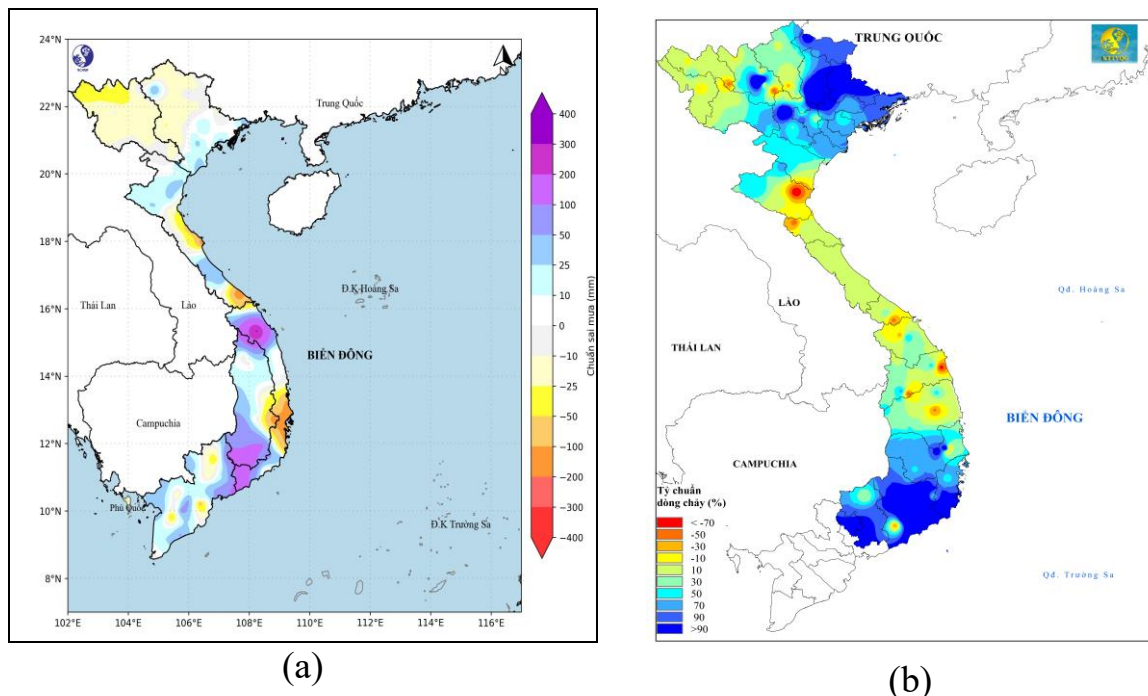
Sông Cửu Long:

Mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm với xu thế xuống dần và phổ biến ở mức cao hơn TBNN (2012- 2025) từ 0,01-1,0m.

Hiện tại, mực nước Biển Hồ tại trạm Kompong Luong cao hơn 0,82m so với TBNN và cao hơn 1,21 so với cùng kỳ năm 2025.

Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ đầu tháng 11 đến nay, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn 59-69% so với cùng kỳ năm 2024-2025 và TBNN.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Hiện tại, mực nước cao nhất ngày 13/1 trên sông Tiền tại Tân Châu 1,44m thấp hơn TBNN khoảng 0,1m và trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,55m thấp hơn TBNN khoảng 0,07m.



Hình 1: (a) Bản đồ tỷ chuẩn (%) lượng mưa tháng 12/2025;
(b) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 12/2025

2. Dự báo thủy văn từ tháng 02 đến tháng 04/2026

2.1. Khu vực Bắc Bộ

Từ tháng 02-04/2026, mực nước trên các sông chính ở Bắc Bộ biến đổi theo xu thế giảm dần, ở hạ lưu sông Hồng - Thái Bình sẽ dao động và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Lượng dòng chảy trên sông Thao sẽ thấp hơn TBNN từ 60-70%, trên sông Lô thấp hơn TBNN từ 35-55%; dòng chảy ở khu vực hạ lưu sông Hồng chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ thủy điện thượng lưu và có khả năng cao hơn TBNN từ 8-35%.

Trên các sông khu vực Đông Bắc Bộ, dòng chảy sẽ biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Từ tháng 2-4/2026, lượng dòng chảy trên sông Cầu ở mức cao hơn hoặc tương đương với TBNN; trên sông Lục Nam phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-40%.

Lưu lượng dòng chảy đến các hồ chứa Lai Châu, Sơn La trên sông Đà ở mức xấp xỉ TBNN, riêng hồ Hòa Bình ở mức cao hơn TBNN từ 15-20%. Lưu lượng dòng chảy đến các hồ chứa trên sông Gâm đến hồ Tuyên Quang và sông Chảy đến hồ Thác Bà ở mức xấp xỉ TBNN trong tháng 4 và cao hơn từ 5-20% trong tháng 2-3.

2.2. Khu vực Trung Bộ

a) Bắc Trung Bộ

Từ giữa tháng 01/2026 đến tháng 04/2026, mực nước thượng lưu trên các khu vực Bắc Trung Bộ biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-20%; trên các sông ở Nghệ An cao hơn từ 3-10%; trên các sông chính ở Hà Tĩnh gồm: sông Ngàn Sâu sẽ thấp hơn 6-15%, sông Ngàn Phố thấp hơn từ 56-70%. Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế phổ biến cao hơn TBNN từ 12-20%; đặc biệt trên sông Tả Trạch (Tp. Huế) cao hơn 150-200%, các sông phía Nam Quảng Trị thấp hơn từ 40-50%.

b) Nam Trung Bộ

+ Trên các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Trong nửa cuối tháng 01/2026, mực nước trên các sông biến đổi chậm và từ tháng 02-04/2026 sẽ biến đổi chậm theo xu thế hạ thấp dần.

Lưu lượng dòng chảy từ tháng 02-04/2026 trên các sông cao hơn khoảng từ 60-85%, trên sông Vu Gia (TP. Đà Nẵng) tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn từ 40-60%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ nửa cuối tháng 01/2026 đến tháng 4/2026, mực nước trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, riêng tại Đồng Trăng cao hơn so với TBNN.

c) Cao nguyên Trung Bộ

Mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi, có xu thế xuống dần. Tình trạng hạn hán, thiếu nước ít có khả năng xảy ra hoặc chỉ xảy ra cục bộ ở những nơi xa nguồn nước.

Tổng lượng nước mặt trên sông Đăkbla (Quảng Ngãi) ở mức thấp hơn TBNN khoảng 35-60%, trên các sông khác phổ biến ở mức tương đương và cao hơn TBNN từ 15-55%.

d) Khu vực Nam Bộ

Sông Đồng Nai: Từ nay đến cuối tháng 04, mực nước trên sông Đồng Nai, sông Bé phổ biến có xu thế biến đổi chậm.

Sông Cửu Long:

Từ cuối tháng 01 đến tháng 04/2026, tổng lượng dòng chảy trên sông Mê Công về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) xuống dần và ở mức cao hơn so

với TBNN: từ tháng 1-2/2025 cao hơn từ 20-30%; từ tháng 3-4/2025 cao hơn từ 10-15%.

Mức nước trên sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Xâm nhập mặn ở ĐBSCL ở mức tương đương TBNN. Các đợt xâm nhập mặn cao nhất ở cửa sông Cửu Long khả năng tập trung trong tháng 02,3 (từ 31/01-04/02, từ 18-22/02, từ 01/03-06/3, từ 19/3-23/3); các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn vào tháng 3,4 (từ 01/03-06/3, từ 19/3-23/3, từ 30/3-04/4, từ 18/4-21/4).

Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo khí tượng thủy văn và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.

Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 02-04/2026

Sông	Trạm	Tháng 02/2026			Tháng 03/2026			Tháng 04/2026		
		H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)
Đà	Hồ Hòa Bình	40	2000	580	40	1800	500	40	1600	600
Thao	Yên Bái	2320	2400	2360	2310	2420	2350	2330	2450	2380
	Phú Thọ	1070	1140	1110	1060	1130	1100	1045	1150	1090
Lô	Tuyên Quang	1170	1450	1290	1160	1430	1280	1150	1380	1275
	Vụ Quang	420	680	550	410	580	475	410	550	450
Cầu	Đáp Cầu	-20	140	55	-20	140	60	-15	150	65
Thương	Phủ Lạng Thương	-35	145	50	-30	145	55	-20	155	55
Lục Nam	Lục Nam	-40	150	35	-35	130	40	-30	155	45
Thái Bình	Phả Lại	-35	155	45	-30	140	50	-25	160	60
Hồng	Hà Nội	25	240	110	30	230	105	25	220	110
Mã	Giàng	-115	190	40	-120	185	35	-105	180	28
Cả	Nam Đàn	-40	160	40	-45	150	35	-60	165	32
La	Linh Cảm	-90	160	35	-95	150	30	-100	155	12
Gianh	Mai Hóa	-90	90	10	-85	95	8	-80	105	5
Hương	Kim Long	18	70	42	15	65	40	12	60	38
Thu Bồn	Câu Lâu	-50	95	32	-45	95	20	-50	90	16
Trà Khúc	Trà Khúc	5	150	65	2	110	46	-20	105	35

Sông	Trạm	Tháng 02/2026			Tháng 03/2026			Tháng 04/2026		
		H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)
Kôn	Thanh Hòa	630	690	650	640	695	655	635	685	660
Đà Rằng	Phú Lâm	-100	90	-5	-95	75	-8	-90	80	-10
Đăkbla	Kon Tum	51540	51600	51578	51520	51600	51576	51550	51610	51582
Krông Ana	Giang Sơn	41540	41625	41590	41485	41540	41515	41470	41520	41498
Đồng Nai	Tà Lài	11020	11055	11035	11005	11050	11025	11000	11040	11020
Bé	Phước Hòa	1750	1950	1850	1740	1930	1830	1720	1910	1820
Tiền	Tân Châu	-20	170	75	-35	165	65	-35	160	60
Hậu	Châu Đốc	-15	190	85	-30	185	75	-30	170	70

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 02-04/2026

Sông	Trạm	Tổng nước mặt (triệu m ³)		
		Tháng 02/2026	Tháng 03/2026	Tháng 04/2026
Đà	Hồ Hòa Bình	1403	1403	1403
Thao	Yên Bái	157	157	157
Lô	Tuyên Quang	394	394	394
Hồng	Hà Nội	3000	3000	3000
Cầu	Gia Bảy	121	121	121
Lục Nam	Chũ	8	8	8
Mã	Cầm Thủy	399	375	376
Cả	Yên Thượng	435	455	428
La	Hòa Duyệt	133	120	98
Tả Trạch	Thượng Nhật	58.8	43.6	36.3
Thu Bồn	Nông Sơn	632	493	346
Trà Khúc	Sơn Giang	482	383	307
Ba	Củng Sơn	100	80	70
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	135	110	90
ĐăkBlá	KonTum	71.8	77.4	80.2
Srêpôk	Giang Sơn	115	71.5	59.1
Tiền	Tân Châu	12150	10150	9950
Hậu	Châu Đốc	1950	1550	1400

3. Xu thế thủy văn từ tháng 05/2026 đến tháng 07/2026

3.1. Khu vực Bắc Bộ

Từ tháng 5-7/2026, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao, sông Lô sẽ thấp hơn TBNN từ 25-50%; ở hạ lưu sông Hồng khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 25%, trên sông Lục Nam ở mức tương đương so với TBNN.

Tổng lượng dòng chảy đến các hồ chứa Lai Châu, Sơn La trên sông Đà ở mức thấp hơn TBNN từ 12-22%, riêng hồ Hòa Bình ở mức xấp xỉ TBNN; trên sông Gâm đến hồ Tuyên Quang và trên sông Chảy đến hồ Thác Bà ở mức xấp xỉ TBNN.

3.2. Khu vực Trung Bộ và Nam Bộ

a) Bắc Trung Bộ

- Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:

Trong tháng 05/2026, thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động. Từ tháng 6-7/2026, thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa ở mức tương đương TBNN cùng kỳ trong tháng 6 và cao hơn từ 5-15% trong tháng 5 và tháng 7; trên các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 15-35%; trên các sông chính ở Hà Tĩnh gồm: trên sông Ngàn Sâu thấp hơn TBNN cùng kỳ 5-15%, trên sông Ngàn Phố thấp hơn từ 10-20%.

- Trên các sông từ Quảng Trị - thành phố Huế:

Từ tháng 5-7/2026, mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động. Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN từ 20-65%, riêng sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn khoảng 80-100%.

b) Nam Trung Bộ

- Trên các sông từ Tp. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Từ tháng 05-07/2026, mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động. Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 35-70%, sông Vu Gia tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ tại trạm An Chi thấp hơn từ 38-50%.

- Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 5-7/2026, mực nước trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng sẽ biến đổi chậm với xu thế giảm. Lượng dòng chảy trên các sông Gia Lai, Khánh Hòa phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 20-50%, riêng tại Đồng Trăng cao hơn so với TBNN từ 20-60%.

Tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ có khả năng xảy ra tại một số nơi không có công trình thủy lợi thuộc các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa và Lâm Đồng.

c) Cao nguyên Trung Bộ

Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi, có xu thế lên dần.

Tổng lượng nước trên các sông dao động theo xu thế tăng dần, trên sông Đăkbla (tỉnh Quảng Ngãi) ở mức thấp hơn TBNN khoảng 20-55%, các sông khác phổ biến ở mức tương đương và cao hơn TBNN 20-50%.

d) Khu vực Nam Bộ

Sông Đồng Nai: Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài, sông Bé tại trạm Phước Hoà khả năng xuất hiện 2-3 đợt dao động.

Sông Cửu Long:

Tổng lượng về ĐBSCL biến đổi chậm với xu thế lên dần và ở mức cao hơn TBNN từ 5-15%.

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều và ở mức tương đương TBNN. Từ tháng 5-7/2026, xâm nhập mặn ở ĐBSCL giảm dần.

Tin phát ngày: 15/01/2026.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/02/2026.

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng